

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/9/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Kim Loan và ông Nguyễn Bá Lý.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã B (nay là Xã B), tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: C N, phường C (nay là Phường H), tỉnh Gia Lai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh D trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi với anh Trần Văn L tự nguyện đến với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/10/2012.

Ngay sau thời gian kết hôn thì cả hai đã bất hoà vì lý do có người phụ nữ khác gọi điện cho anh L nhưng tôi đã nghe điện thoại, người phụ nữ đó nói về việc anh L đang quan hệ với họ mà lại đi lấy vợ, sau thời gian đó tôi cũng bỏ qua để tiếp tục chung sống với nhau, tuy nhiên hai chúng tôi không hòa hợp với nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn cả hai quyết định sống ly thân vào tháng 6/2023 cho đến nay, thời gian sống ly thân cả hai

không còn quan tâm hay chăm sóc tới nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài tôi không còn tình cảm yêu thương anh L nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu ly hôn với anh L, đề nghị Toà án ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn đã ghi nhận tại biên bản hoà giải ngày 15/8/2025.

- Về con chung: Tôi với anh L có 03 con chung tên Trần Tú V, sinh ngày 20/11/2012; Trần Tuệ V1, sinh ngày 20/11/2012 và Trần Khởi V2, sinh ngày 25/12/2018. Trong thời gian tôi với anh L ly thân các con theo tôi do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, các con đã quen với cuộc sống sinh hoạt có ba chị em cùng nhau, nay anh L chỉ yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trần Khởi V2 thì tôi không đồng ý, tôi muốn nếu anh L có khả năng về kinh tế thì hãy nuôi hết ba con chung để có hai chị chăm sóc cho bé Trần Khởi V2, còn tách cháu Trần Khởi V2 ra khỏi hai chị và giao cho anh L nuôi dưỡng thì tôi không yên tâm vì anh L làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà, đối với công việc mở tiệm gara để sửa chữa xe chỉ là đang dự tính chưa hình thành; vì vậy tôi xin Hội đồng xét xử xem xét để cho tôi được nuôi 03 con chung cho đến khi các con thành niên.

-Về cấp dưỡng nuôi chung: Nếu tôi được nuôi 03 con chung, bản thân tôi có mức lương thu nhập ổn định đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng các con, nếu anh L muốn hỗ trợ cho các con thì tùy, tôi không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* Bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

- Về hôn nhân như cô D trình bày là đúng, cả hai tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/10/2012. Tuy nhiên cô D đưa ý kiến ly hôn vì lý do tôi có người phụ nữ khác là không có căn cứ, bản thân cô D hiểu rất rõ mâu thuẫn xảy ra là khi làm ăn bị thua lỗ từ năm 2016, tôi rất muốn hai bên có thể sửa đổi để cùng nhau chung sống nuôi dạy các con. Tuy nhiên cô D vẫn kiên quyết ly hôn thì tôi đồng ý, đề nghị Toà án ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn đã ghi nhận tại biên bản hoà giải ngày 15/8/2025.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân tôi với cô D có 03 con chung là Trần Tú V, sinh ngày 20/11/2012, Trần Tuệ V1, sinh ngày 20/11/2012 và Trần Khởi V2, sinh ngày 25/12/2018. Đối với cháu Trần Tú V và Trần Tuệ V1 đều là con gái có nguyện vọng ở với mẹ là hoàn toàn hợp lý vì hai cháu đang ở tuổi dậy thì. Riêng cháu Trần Khởi V2 chưa được 7 tuổi và cháu là con trai nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn K. Hiện tại tôi không còn chạy xe ô tô chở khách, tôi đang dự tính mở Gara để sửa xe ô tô và cho dù tôi có làm nghề gì thì việc chăm sóc con cái là trách nhiệm chung của người làm cha, nếu cô D lấy lý do tôi không có thời gian chăm sóc con cái là không đúng. Đề nghị Toà án giải quyết giao cháu Trần Khởi V2 cho tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu cô D yêu cầu thì tôi sẽ cấp dưỡng và cấp dưỡng theo khả năng thu nhập của tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại C N, phường C, thành phố P (nay là phường H), tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị Thanh D và anh Trần Văn L.

Về con chung đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung Trần Tú V, sinh ngày 20/11/2012, Trần Tuệ V1, sinh ngày 20/11/2012 giao cho chị Bùi Thị Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập. Riêng cháu Trần Khởi V2, sinh ngày 25/12/2018 chưa đủ 7 tuổi để lấy ý kiến về nguyện vọng của cháu, tuy nhiên thời gian chị D và anh L ly thân sống riêng từ năm 2023 cháu Trần Khởi V2 cũng do chị D là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến nay. Như vậy việc tiếp tục giao cháu Trần Khởi V2 cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý; trường hợp đến thời điểm cháu Trần Khởi V2 đủ 7 tuổi để ghi nhận ý kiến về nguyện vọng, anh L có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con để Tòa án xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, theo chị D có đủ điều kiện để nuôi con chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Bùi Thị Thanh D khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Trần Văn L có địa chỉ tại phường H, tỉnh Gia Lai. Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D với anh Trần Văn L tự nguyện đến với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/10/2012. Thời gian chung sống với nhau giữa chị D, anh L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm rạn nứt mà không thể hàn gắn được; nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hai bên đã thỏa thuận thuận tình ly hôn. Việc thỏa thuận ly hôn giữa chị Bùi Thị Thanh D và anh Trần Văn L đúng pháp luật được Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh L có 03 con chung là Trần Tú V, sinh ngày 20/11/2012, Trần Tuệ V1, sinh ngày 20/11/2012 và Trần Khởi V2, sinh ngày 25/12/2018.

Về yêu cầu của các đương sự thì cả hai đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Khởi V2, sinh ngày 25/12/2018. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, qui định rõ về việc: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi*

về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Việc các bên không tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con đối với cháu Trần Khởi V2, sinh ngày 25/12/2018; tuy nhiên xét về mặt thời gian anh chị đã ly thân mỗi người sống một nơi từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay đã hơn hai năm, nhưng việc trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đều do chị D đảm bảo nuôi dưỡng các con khỏe mạnh, học tập tốt. Xét về điều kiện nhà ở thì cả hai đều chưa có nhà riêng, xét về công việc thì chị D là giáo viên hợp đồng với trường Tiểu học T - Thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai, đồng thời chị cũng kinh doanh mở dạy thêm môn tiếng anh ở nhà, vì vậy mức thu nhập ổn định để đảm bảo quyền nuôi con. Đối với anh L nghề nghiệp lái xe, hiện tại anh L đang có ý định thay đổi chuyển sang sửa xe ô tô Gara tại chỗ để tiện cho việc chăm sóc con chung, tuy nhiên về mặt ổn định của các con thì thời gian hơn hai năm anh chị sống riêng các con ở ổn định với chị D, cháu Trần Khởi V2 còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ việc chia rẽ các con là điều không nên.

Từ những căn cứ nêu trên thì để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con, giao các con chung Trần Tú V, Trần Tuệ V1 và Trần Khởi V2 cho chị Bùi Thị Thanh D là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con thành niên là hoàn toàn phù hợp với qui định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu vì vậy Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, cả hai không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thanh D và anh Trần Văn L.

[2]. Giao các con chung là: Trần Tú V, sinh ngày 20/11/2012; Trần Tuệ V1, sinh ngày 20/11/2012 và Trần Khởi V2, sinh ngày 25/12/2018 cho chị Bùi Thị Thanh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con thành niên. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

[3] Về án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Bùi Thị Thanh D tự nguyện chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 001721, ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Gia Lai), tỉnh Gia Lai. Trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) còn lại cho chị Bùi Thị Thanh D.

[4]. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2025) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

[5]. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; số 106/2012, ngày 26/10/2012 (nay là xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

